

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST;

Ngày: 13-01-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Bà Hoàng Thị Khánh Ly.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-DS ngày 11/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2020/QĐST-DS ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Địa chỉ liên lạc: đường V, phường Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Đức H, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh C. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Phạm Bích N, sinh năm: 1980. Địa chỉ: đường K, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2020, bản trình bày ngày 11/12/2020 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng N trình bày:

Ngày 26/6/2019, bà Nguyễn Phạm Bích N và chi nhánh C thuộc Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số:

2009-LAV-2019260619. Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Lãi suất vay trong hạn: 13%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã thực hiện giao dịch số tiền 70.707.825 đồng thông qua thẻ tín dụng và chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.279.662 đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và đôn đốc việc trả nợ. Từ ngày 25/10/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng đã ký kết.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng nên tại phiên tòa ngày hôm nay, Ngân hàng yêu cầu tòa án buộc bà N trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số dư gốc và lãi phát sinh là 68.073.636 đồng, trong đó số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/01/2021 là: 8.073.636 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, bị đơn bà Nguyễn Phạm Bích N đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án từ khi tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã tiến hành niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng của Tòa án đối với cho bà Nguyễn Phạm Bích N nhưng bà N đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Nguyễn Phạm Bích N không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Giữa Ngân hàng và bị đơn bà Nguyễn Phạm Bích N có ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số: 2009-LAV-2019260619 nhằm mở thẻ visa hạn mức tín dụng của Ngân hàng. Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Theo xác nhận của Công an phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ và Sổ hộ khẩu thì bị đơn bà Nguyễn Phạm Bích N có địa chỉ thường trú tại: đường K, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng:

Ngày 26/6/2019, bà Nguyễn Phạm Bích N và chi nhánh C thuộc Ngân hàng ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số: 2009-LAV-2019260619. Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Lãi suất vay trong hạn: 13%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy, các bên ký kết Hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thẻ tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng các bên đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 BLDS và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng nên căn cứ các Điều 466 và 469 BLDS 2015, Ngân hàng yêu cầu bà N trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số nợ là số dư gốc và lãi phát sinh là 68.073.636 đồng, trong đó số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/01/2021 là: 8.073.636 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Phạm Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.500.000 đồng, Ngân hàng phải chịu theo quy định tại Điều 180 BLTTDS (đã nộp và đã chi).

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466, Điều 469 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 180, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với bà Nguyễn Phạm Bích N.

Buộc bà Nguyễn Phạm Bích N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền là 68.073.636 đồng, trong đó số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/01/2021 là: 8.073.636 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Phạm Bích N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Tổ chức tín dụng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Phạm Bích N phải chịu 3.403.681đ.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 1.635.704 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001404 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

3. Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.500.000 đồng, Ngân hàng N phải chịu (đã nộp và đã chi)

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Đà Nẵng;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng